

TÔN GIÁO Ở NƯỚC NGOÀI

40 NĂM CÔNG ĐỒNG VATICAN II

MƯỜI VIỆC CÒN DANG DỖ

(Tiếp theo kì trước)

MAI THANH HẢI*

II- 10 VIỆC CÒN DANG DỖ CỦA CÔNG ĐỒNG VATICAN II

... (Xin xem số 4/2005, trang 64-70)

2. Cho đến ngày nay, đời truyền đời, người Công giáo bình dân ở các giáo xứ nông thôn cũng như thành thị vẫn chỉ hiểu giáo lí thông qua những câu ca dễ nhớ như:

Thiên Đàng Địa Ngục, đôi quê
 Ai khôn thì về ai dại thì xa
 Đêm nằm nhớ Chúa, nhớ cha
 Đọc kinh, cầu nguyện, kéo sa linh hồn
 Linh hồn phải dữ linh hồn
 Đến khi lia xác, được lên Thiên đàng

Tín giáo lí đơn giản và cổ lỗ như thế, lẽ tất nhiên không còn thích hợp và không còn có thể được tiếp nhận trong đông đảo giới trẻ có trình độ văn hóa. Giáo lí rối loạn, giáo sĩ phân hóa, đương nhiên dẫn tới quần chúng theo đạo mất lòng tin ở Giáo hội và nhất là ở người giáo sĩ trực tiếp "răn dạy" mình.

Nhiều điểm *Hiến chế Sacrosanctum Concilium* của Vatican II cho phép được biến báo để gần gũi tập quán văn hóa bản địa, như một dòng tu Ấn Độ cho rắc hoa

nơi để bánh và rượu, cuối buổi lễ có một cô gái nâng mâm hoa trên có ngọn đèn nhỏ, tiến ra múa lượn trước bàn thờ Chúa, rồi cô ra đứng bậc cuối cung thánh, mọi người lần lượt úp hai bàn tay trên ngọn đèn rồi úp vào mặt mình. Thế nhưng tháng 3 năm 2004, Vatican đã ban hành *Huấn thị Redemptionis Sacramentum (Bí tích ơn cứu chuộc)* thực lùi lại các nghi thức phụng vụ, như chủ tế phải mang đủ phẩm phục, bên trong mặc đủ áo xútan đen, áo dài trắng, đeo dây stola với áo lễ đúng màu quy định, lại nhớ khoác thêm khăn vai, hoặc cấm giáo dân không được đụng đến chén thánh, cấm giáo dân cầm mình thánh (tức bánh thánh) nhúng vào chén thánh, phải là linh mục mới được cầm mình thánh nhúng vào chén thánh rồi đưa vào miệng cho giáo dân ! Một linh mục viết trên Nguyệt san Công giáo và Dân tộc số 114: *"Thật mệt mỏi, chán chường dù chỉ đọc lướt qua một lần toàn văn Huấn thị. Tôi phải can đảm lắm mới tiếp tục đọc cho hết bản văn mà chẳng học được điều gì mới mẻ, trái lại, càng đọc càng thêm thất vọng... Cách đây bốn năm, ngày*

*. Nhà nghiên cứu, Hà Nội.

06/08/2000, khi Đức Hồng y Giáo lý Đức Tin công bố bản Tuyên ngôn Dominus Jesus, người ta có cảm tưởng như Giáo hội Rôma đang muốn trở lại với quan niệm *Extra Ecclesiam nulla salus* (nghĩa là: bên ngoài Giáo hội, không có ơn cứu độ) theo nghĩa hẹp hòi, cứng nhắc... Nói tóm lại, Huấn thị *Redemptionis Sacramentum* có thể bị coi là "vi hiến" nếu đối chiếu với Hiến chế *Sacrosanctum Concilium* của Công đồng Vatican II, hay ít ra cũng đi ngược lại với Hiến chế này".

Tình cảnh trên đương nhiên dẫn dắt người ta đi vào một con đường hăm chừa thấy ánh sáng nào hứa hẹn tìm thấy một ngõ ngách đi ra. Đặc biệt ở Tây Âu, quê gốc của Giáo hội Rôma, nơi có đủ bốn nước hàng đầu theo Công giáo, từng coi Công giáo là quốc giáo (Pháp, Italia, Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha), quần chúng có đạo đang từ bỏ đạo kinh, cầu nguyện, không đi nhà thờ, rất coi thường Giáo hội, coi thường luôn cả Giáo hoàng.

Ngay tại thủ đô Rôma, trung tâm của Giáo hội toàn cầu, những năm gần đây cũng chỉ có từ 15 đến 20% số tín đồ đi xem lễ nhà thờ. Bốn mươi năm qua, số tu sĩ nam trên thế giới giảm mất 53%, số nữ tu giảm 51%, số linh mục giảm 23%: đó là con số do chính Đài phát thanh Veritas Asia (của hệ truyền thông Vatican) đưa ra. Dư luận phương Tây rất đồng tình với hai trí thức Pháp: Henri Tincq, một tín đồ Công giáo và Danièle Hervé Hégier, một nhà xã hội học, khi hai người khẳng định rằng, ngày nay, Công giáo chỉ còn là thiểu số ở Pháp, mà hiện tượng này không chỉ ở Pháp mà có thể nói là chung cho cả thế giới Kitô giáo, đó là vì Giáo hội đã đi ngược với những nguyên tắc dân chủ, với hệ thống phẩm trật và sự kì thị phụ nữ, cũng như việc phân chia giai tầng

giáo sĩ khác hẳn giáo dân. Các tác giả đó cho rằng: Thế giới ngày nay không còn quan tâm đến giá trị Kitô giáo và thờ ơ đối với Giáo hội; tiếp theo việc tách rời Nhà nước và Giáo hội thời cách mạng Pháp, nay đang có sự tách rời mới, chia tách xã hội với Giáo hội; cái cơ chế hiện hữu của Giáo hội không thể nào tồn tại được nữa rồi; Kitô giáo đã tan chảy trong xã hội dân chủ; viễn tưởng của Kitô giáo sẽ là một xã hội không cần nhà thờ và tất nhiên cũng không cần, không còn linh mục.

Ở nước ta, có một số không ít người ưa thích chạy theo các món *rước xách, lễ hội, hành hương* thì sao? Đây là một đoạn mở đầu của bài báo "Giáo hội Việt Nam trước những thách đố của thiên niên kỉ thứ III"⁽¹⁾ của Linh mục Thiện Cẩm: "...*Nếu chúng ta chỉ biết tổ chức những buổi lễ khai mạc thế kỉ XXI và Thiên niên kỉ III bằng kèn trống, rồi chẳng làm gì khác hơn những năm tháng đã qua của Thế kỉ XX và Thiên niên kỉ III, thì đó gọi là "đánh trống bỏ dùi"...* Bao nhiêu tiền bạc, bao nhiêu thì giờ sẽ được dành cho những việc mang danh là "thiên liêng" và "tôn giáo", nhưng thực chất cũng không tránh khỏi tính chất trần tục, đến nỗi có người phương Tây có cơ để gọi các cuộc rước là "đi dạo phụng vụ", và hành hương là "du lịch phụng vụ", nếu không phải là "hành hương", nghĩa là đi mua sắm... Như hồi Năm Thánh kính Đức Mẹ, đã có bài hát "Hành hương Fatima", trong đó câu: "Hành í a hành hương, Kính í a Đức Bà, Bên í a Fatima, Avê Maria. Hành hương (là) xe hơi í a Avê Maria, Về thêm giàu, thêm oai í a, Được tiếng yêu Đức Bà".

1. Nguyệt san Công giáo và Dân tộc. Số 61, tháng 1-2000, tr. 5-15.

3. Nói chuyện Đức Mẹ, Giáo hội đừng chạm đến một vấn đề cội nguồn của Đức Tin, đó là: "Công giáo là đạo Chúa, hay là đạo Mẹ?" Trong sách *Giáo lý Hội Thánh Công giáo* được Đức Giáo hoàng Gioan Phaolô II công bố ngày 11/10/1992 nhân dịp kỷ niệm ba mươi năm ngày khai mạc Vatican II, hai chức danh của Đức Mẹ được nhiều lần nhắc đến là "Mẹ của Chúa Giêsu, Mẹ Thiên Chúa và đồng thời là Mẹ của Hội Thánh, Mẹ chúng ta" và vì thế, mọi người cần phải tôn kính Đức Maria hết sức đặc biệt và bằng mọi cách như: cầu nguyện, khấn vái, đọc kinh, ca hát, hành hương,... đến nỗi từ ngữ đầu đầu cũng nói đến căn bệnh "Mariolatric", nghĩa là chứng bệnh sùng bái Đức Maria quá mức tín giáo lý!

Và chính từ chỗ này, nhiều lớp nhà thần học giáo lý và bao nhiêu giáo sĩ và giáo dân tỉnh táo đã nhắc rằng: Đạo Công giáo là đạo thờ Thiên Chúa và chỉ thờ lạy một Thiên Chúa mà thôi. Người ta dẫn ra nguyên văn ba đoạn Kinh Thánh Phúc Âm Mathêu 12,46 - 50; Mac 3,31 - 35; Luca 8,19 -21 ghi giống nhau việc Chúa từ chối đón tiếp bà Maria như sau: "Mẹ và anh em Giêsu đến, đứng bên ngoài, cho gọi Ngài ra. Lúc ấy đám đông đang ngồi chung quanh Ngài. Có kẻ nói với Ngài rằng: "Thưa Thầy, có mẹ và anh chị em Thầy ở ngoài kia tìm Thầy", nhưng Ngài đáp lại: "Ai là mẹ tôi? Ai là anh em tôi?". Ai đi đạo chẳng thuộc lòng Mười điều răn Đức Chúa Lời và điều răn thứ nhất là "Thờ phụng Đức Chúa Lời và kính mến Người trên hết mọi sự"; Ai cũng thuộc Sách Bỏ có câu: "Có nên thờ phượng Đức Bà cùng các Thánh bằng Đức Chúa Lời chẳng? Thưa: Chẳng nên,... vì có một Đức Chúa Lời là chính Đấng ban ơn cho ta mà thôi". Sách Bỏ

còn răn đe rằng nếu không nghe lời như trên thì sẽ... "vấp phạm tội về nhân đức Thờ phụng có thể này: một là tội vô phép cùng Đức Chúa Lời; hai là tội thờ đồng dãi; ba là tội thờ đối trá". Những người này đã nhiều lần nêu lên vấn đề: Dẫu đạo có muốn lồng vào thói quen tín ngưỡng thờ Mẫu ở nhiều xứ (như ở Việt Nam hay Ấn Độ), thì cũng không được "thờ cúng, cầu nguyện, khấn vái..." Đức Mẹ ngang bằng hoặc cao hơn Thiên Chúa, nếu không đạo chúng ta đã bị biến dạng, không còn là đạo Chúa mà thành ra một thứ "đạo Mẹ, đạo Đức Bà".

Trong chuyện này, Giáo hội đang rất lúng túng trong mối bồng bong: Nhiều lúc, nhiều nơi, Giáo hội ca tụng Đức Bà Maria là "người đầy điểm phúc" vì đã được Thiên Chúa "làm cho biết bao điều cao cả". Thế nhưng, các linh mục tự coi mình còn "đầy ơn phúc bao la hơn Mẹ Maria" bởi vì mình đây là linh mục, là người thay mặt Chúa! Nhiều đáng còn cho mình hơn Đức Mẹ ở chỗ là có thể "sinh" ra Giêsu nhiều lần khi "truyền phép", trong khi Đức Mẹ chỉ sinh Đức Giêsu có mỗi một lần! Cũng bởi thế, dẫu thế nào đi nữa thì phụ nữ kể cả Đức Maria vì không có "chức thánh", không là linh mục, nên vẫn cứ là ở dưới hàng giáo sĩ. Và thật là kì quái khi thấy Giáo hội Công giáo ở nhiều nơi vừa mắc bệnh Mariolatric (tôn sùng bà Maria một cách quá đáng), vừa coi thường, coi khinh, kì thị phụ nữ, tới mức là cho đến nay vẫn hoàn toàn loại trừ phụ nữ ra khỏi hệ thống quản trị Giáo hội, không có bà bề trên nào, kể cả bề trên tổng quyền, được ngồi trong Hội đồng Giám mục, không một bà nào được làm thầy cả thì lấy đâu ra một bà làm giám mục, làm hồng y, làm giáo hoàng được!

4. Vấn đề thứ tư, là vấn đề nhạy cảm hạng nhất và cũng gây đau đầu nhất cho Giáo hội là việc tôn trọng địa vị và quyền lợi của phụ nữ. Công giáo vẫn không cho phép phụ nữ làm linh mục, càng không bao giờ có hi vọng làm giám mục, làm hồng y và giáo hoàng. Điều này xuất xứ từ nhiều quan điểm mấy nghìn năm trong Giáo hội không coi phụ nữ ngang hàng với đàn ông, thậm chí có công đồng còn bàn xem phụ nữ có linh hồn hay không; giáo lí cổ còn dạy Chúa sinh ra người đàn ông Adam, rồi rút cái xương sườn Adam mà nặn người đàn bà Eva (xem sách Sáng Thế 2, 18 - 24: đàn bà là "rút ra từ đàn ông"). Nâng lên, đặt xuống mãi, Vatican II cũng chỉ mơn man nhận rằng "vai trò phụ nữ ngày càng quan trọng, ngày càng tích cực..." nhưng vẫn không cho phụ nữ làm giáo sĩ từ cấp thấp nhất cho đến cấp cao nhất.

Người ta đều biết chuyện tháng 10 năm 1997, Đức Giáo hoàng đã gặp một cuộc biểu tình của 50 nữ tu, mang khẩu hiệu: "Nếu phụ nữ có khả năng làm bánh, thì họ có khả năng bẻ bánh"⁽²⁾. Nữ tu Theresa Kane nói to vào micro: "Thưa Đức Thánh Cha, Giáo hội cần phải đáp ứng những thiết thòi của phụ nữ bằng cách xem xét khả năng của họ trong ngay cả việc lãnh nhận chức thánh". Đám đông hoan hô, nhưng Đức Giáo hoàng giữ im, không nói gì cả. Một tuần sau, nữ tu này lại đến tận Vatican, đòi vào gặp Giáo hoàng, và nói: "Con muốn Đức Thánh Cha hiểu rằng ý con bao hàm luôn cả việc thụ phong linh mục cho nữ giới; đúng, cả việc thụ phong nữa!". Giáo hoàng ngoảnh mặt đi, không trả lời được điều gì.

Khắp năm châu, cả nam giới cùng đông đảo phụ nữ Công giáo háo hức tham gia xây dựng và sôi nổi phát huy cả

một "nền Thần học phụ nữ" (the *Feminine theology*) rầm rộ đòi Giáo hội Công giáo phải chấm dứt việc coi khinh, coi thường thậm chí miệt thị phụ nữ, đòi phải tôn trọng nữ giới, phải thật sự đi vào hành động mọi mặt đúng tinh thần "nam nữ bình quyền". Trong khi đó, từ lâu rồi, Anh giáo và nhiều giáo phái đạo Tin Lành đã suy cử phụ nữ làm mục sư, truyền giáo, làm linh mục tới tổng giám mục, thậm chí cử cả phụ nữ đã có chồng, có con vào các chức việc "thiên liêng" đó. Phần Giáo hội Rôma, năm 1967 ra tuyên ngôn *Inter insigniores*, nói rõ: "Giáo hội không chấp thuận việc thụ phong linh mục cho phụ nữ". Đến năm 1994 lại có Tông thư *Ordinatio sacerdotalis* khẳng định: "Giáo hội không thể nào trao chức linh mục cho phụ nữ, và đây là lập trường vĩnh viễn". Đến năm 1997, Bộ Giáo lí Đức tin công bố một văn kiện nữa của Giáo hoàng nhắc lại: "Việc cấm phụ nữ làm linh mục là một tín điều và yêu cầu mọi người quy thuận điều này một cách vĩnh viễn".

5. Chuyện bẻ tác thứ năm là tình cảnh quá lạc hậu trong thần học. Thần học vốn bẻ tác từ lâu với các lí luận cổ hủ của Thánh Auctinh thế kỉ IV, Thánh Tôma Akinô thế kỉ XIII với các mẫu nhiệm quá cổ lỗ về sáng thế và tận thế, về hoả ngục với luyện ngục, về tội tông truyền với bao nhiêu quyền phép rửa tội và giải tội. Nay Vatican II cải đổi lại không gọi là "bí tích Sau rớt" mà gọi là "phép giải tội lần cuối" không còn gọi là "mở rộng nước Chúa", là "truyền giáo" mà đổi lại là "đi rao truyền Phúc Âm", Chúa Giêsu "không phải xuống thế để cứu chuộc con người đầy

2. Ý là làm linh mục, khi làm lễ có động tác "bẻ bánh thánh" chia cho giáo dân.

tội lỗi" nữa, mà "luôn hiện hữu trong ta để thương yêu con người, thương yêu hết thấy con người khắp thế gian", v.v... Thế nghĩa là chỉ dùng ngôn từ mềm mại để trốn tránh việc thật sự biến đổi thần học sai lầm.

Thần học chính thống của Giáo hội càng bế tắc, con người của thế kỉ XX và XXI càng khao khát đi tìm kiếm và vun đắp những cái gì mới mẻ và hiện đại để bù lấp vào những khoảng trống rỗng. Thế giới liên tiếp thấy xuất hiện nhiều nền "Thần học vì con người", "Thần học của thời đại quốc tế hóa", "Thần học của thiên niên kỉ thứ ba" trong đó ngạo nghễ nhất là "Thần học của Chúa đã chết" (*Deceased Christ's Theology*) nói lên những khát vọng dữ dội nhất và cũng bi đát nhất của số đông tín đồ hoang mang trước các biến động bi thảm và dồn dập của thế giới và của xã hội chung quanh mình. Cùng với nền *Thần học phụ nữ*, nền *Thần học thế tục* (*Secular theology*) muốn đưa tôn giáo gắn lại với đời sống. Từ Châu Phi rồi lan nhanh sang Châu Mỹ, có nền "Thần học Đen" (*the Black Theology*) coi việc thờ Chúa Kitô là biểu hiện văn hóa trong thực tế cuộc sống của người có màu da đen, giải quyết được mối quan hệ của hai căn tính *thực dân và Phi Châu*, đi tới xây dựng một nền *Văn hoá Đen* và một *Giáo hội Đen*. Họ coi người da đen mới chính là dân của Chúa đã chọn. Mục đích chính trị - xã hội của nền *Thần học Đen* là dùng tôn giáo như một lực lượng tinh thần chủ yếu để nâng cao nhận thức cho người da đen trong công cuộc đấu tranh cho quyền sống và quyền làm người bình đẳng trong mọi xã hội, xoá bỏ mọi vết tích bất bình đẳng và phân biệt màu da đang còn tồn tại trong đời sống, đẩy cao cuộc đấu tranh giành

quyền công dân của người Mỹ Đen và cuộc đấu tranh của người Châu Phi giành và bảo vệ quyền độc lập dân tộc, đấu tranh ra khỏi sự nghèo đói. Đặc biệt là sự xuất hiện của nền *Thần học giải phóng* (*Theology of Liberation*), luận thuyết mới về thần học muốn tín giáo lí Giáo hội Công giáo từ bỏ lễ thói đe nẹt, dọa dẫm, kết án, buộc tội và trừng phạt; vạch trần cái gốc rễ sâu xa của nghèo khổ, áp bức, không công bằng và bất công xã hội là tội lỗi, là ách áp bức của chủ nghĩa thực dân kiểu mới, là sự đứt tình giữa Thiên Chúa với tha nhân. G. Guchiarét nói: "Người nghèo của dân tộc tôi không chỉ chết khi cuộc đời họ kết thúc mà chết ngay từ khi cuộc sống của họ bắt đầu. Sau cùng là cái chết văn hóa". Tiếp theo nền *Thần học văn hóa* (*Theology of culture*) nổi lên cuối thế kỉ XX, là nền *Thần học hiện sinh* (*Existential theology*) mở đầu với R. Bunman (1884 - 1976) viết trong sách "Những nghiên cứu mới về Giêsu trong lịch sử" theo xu hướng giải huyền (démithologisation), bác bỏ những huyền thoại cổ hủ phi lí của Kinh Thánh, vạch trần tình trạng Giáo hội rất xa cách với con người đã quá chán ngán về các cuộc mộng du bao đời nay mà Giáo hội đã đưa ra ru ngủ con người. Ở các nước có nền kinh tế kĩ thuật cao, cùng với sự xuất hiện nhiều tôn giáo "hiện đại", người ta đưa ra nền "Thần học mới" (*the new Theology*) đòi thay đổi về cơ bản cơ cấu lãnh đạo hiện nay của giáo triều Vatican và Giáo hội Công giáo.

6. Giải toả hay cứ tiếp tục ôm giữ quyền lực kể cả quyền lực về tiền bạc để khống chế mọi sáng kiến, mọi đầu óc muốn đổi mới: đây là vấn đề tồn đọng thứ sáu của Giáo hội. Bóc cái vỏ thiêng liêng ra, Giáo hội cũng là một tổ chức trần thế,

tất yếu cũng có vấn đề quyền lực của giới lãnh đạo Giáo hội, ở đây là giáo sĩ các cấp bậc, có "chức thánh". Vậy mà "chức thánh" ở đây lại chỉ trao cho nam giới độc thân, độc quyền và suốt đời, và vì thế mà quyền lực của giáo sĩ gây ra biết bao tai hại, dần dần chúng đúc kết lại thành những biểu hiện của một hội chứng bệnh hoạn gọi là "*hội chứng quyền lực*". Người mắc phải không thể là ai khác, chính là các giáo sĩ có chức thánh.

Tổng Giám mục Henri D'souza, Chủ tịch Hội đồng Giám mục Ấn Độ đề cập vấn đề "*hội chứng quyền lực*" dưới tiêu đề: "*Những méo mó nghề nghiệp của vai trò mục tử*". Theo ông, hội chứng quyền lực là hội chứng người đóng vai Thiên Chúa và thay mặt Chúa. Giám mục Bùi Tuần viết trên tuần báo Công giáo và Dân tộc số 1266: "*Cơ chế quyền lực là cơ chế tỏ rõ quyền lực, bảo vệ quyền lực, mở rộng quyền lực... Trong thời điểm này, Hội Thánh với cơ chế quyền lực, dù bất cứ hình thức nào, đều lỗi thời và gây hại cho đạo*". Biết thì biết cả đấy, nhưng bao giờ Giáo hội có thể bắt tay vào tháo dỡ cái xương sống ấy của mình? Chắc chắn là không bao giờ, bởi một lẽ giản đơn, nó chính là xương sống của Giáo hội, mà không có xương sống thì không còn tồn tại, nói gì đến thiêng liêng hay thánh thân!

Quyền lực cao nhất trong Giáo hội tập trung trong tay Giáo hoàng, mà Giáo hoàng có cơ chế được ngồi mãi ở ngôi báu này cho đến khi qua đời. Các giáo hoàng trước Vatican II ngồi chắc ở ngôi báu để giữ kỉ cương từ trong giáo triều ra; kết cục là không thể vượt qua cái tẻ bảo thủ cố cựu, bao năm tháng đã vón cục lại ở Vatican. Đến Giáo hoàng Gioan Phaolô II lại chuyên "tông du" các nước ngoài, hai

mươi lăm năm, đã đi 102 chuyến thăm nước ngoài tới 129 quốc gia, lộ trình dài bằng ba vòng quả đất (có ba nước, Ngài nhiều lần ngỏ ý và gợi ý đến thăm Việt Nam, Trung Quốc và Liên Xô ngày trước, Nga ngày nay, nhưng chưa được toại nguyện). Ai cũng biết, ở những năm cuối đời, phần lớn người ta ốm yếu, thiếu tỉnh táo, thế mà vừa qua Giáo hoàng Gioan Phaolô II đã vượt 84 tuổi đời, một lần bị bắn vào bụng và vào tay, bảy lần lên bàn mổ vì các duyên cớ khác nhau, suy tim, suy thận, suy hô hấp, cộng thêm căn bệnh quái ác là Packinxon vẫn điều hành cả một tổ chức to lớn như Giáo hội cho tới trước khi qua đời. Lúc còn tại vị, Giáo hoàng đã không tổ chức bất kì một nghi thức nào để kỉ niệm ngày sinh thứ 84 của mình, nhưng từ nhiều nơi tới tấp gửi về các bức điện kêu gọi Ngài từ chức. Ông Xavier Pfister trong tư cách chính thức là giới chức thông tin của Giáo phận Công giáo Basel (Thụy Sĩ) nói: "Trong thư điện, chúng tôi không nói Đức Thánh Cha là người không tốt, nhưng Giáo hội sẽ được phục vụ tốt hơn nếu Đức Thánh Cha về hưu ở tuổi 75 như các giám mục khác". Đến tuổi về hưu, còn có nhiều giới chức cao cấp khác đang làm việc ở Vatican, như các hồng y Sodano 76 tuổi, Ratzinger 77, Szoka 76, Cottie 82; ngoài giáo triều, còn 12 hồng y tổng giám mục đã quá tuổi về hưu mà vẫn cai quản các tổng giáo phận.

Ta hãy chịu khó đọc một đoạn bài viết lên án tệ nạn "*Hội chứng quyền lực*" trong Giáo hội Công giáo Việt Nam và trên thế giới, bài đăng ở Nguyệt san Công giáo và Dân tộc (số 100, trang 95 - 102): "*Chức thánh là khởi điểm dứt khoát của Hội chứng quyền lực (HCQL). Vị tân chức được long trọng nhắc nhở cho biết họ đã được siêu tôn lên "hàng khanh tướng", lên*

một địa vị cao vời cách vĩnh viễn. Có thể choáng váng ngất ngây. Và thay đổi, có thể là một dạng "đột biến". Có người bỗng trở nên xa lạ ngay cả với những người thân. Tại một đại chủng viện nọ, sau lễ truyền chức, có một tân linh mục đã gọi "thầy", xưng "cha" một cách nghiêm chỉnh với một thầy lớp kế dưới, người bạn cùng địa phận mà mới mấy bữa trước còn mày tao chỉ tớ rất ư thoải mái!... Nhiều linh mục coi thường giáo dân, coi giáo dân như con cái, như những "con chiên" nên muốn nói gì thì nói, muốn làm gì thì làm. Trên toà giảng, không ít linh mục xưng cha với giáo dân: "Cha bảo... cha yêu cầu... cha cấm... cha phạt..." dấu rằng ngời bên dưới có những vị đáng tuổi ông bà cha mẹ của "cha"! Nhiều cha sở thoải mái gọi giáo dân là thằng này con nọ, dấu họ có già đầu nhiều tuổi hơn "cha"!... Đồi với công việc chung của giáo xứ, nhiều linh mục không tin, không giao quyền giao việc cho ai cả mà cứ bao sân một mình. Độc đoán phổ biến!... Hiện tượng ô ạt đó đây phá bỏ những nhà xứ nhà thờ cũ, để làm lại cho mới, cho nguy nga đồ sộ như thách đố, như phó trương thanh thế mà không vì có nhu cầu thực sự, phải chăng cũng là một biểu hiện của HCQL?... Phải truy tìm cái gốc của nó... (Do tôn xưng) linh mục là một Đức Kitô khác,... (do kinh thánh tung ra) hình ảnh chủ chăn và con chiên,... (do thói quen dùng) danh xưng cha con giữa linh mục và giáo dân... Khắp mọi miền đất nước, ở bất kì xứ đạo nào, chúng ta cũng có thể gặp những hiện tượng HCQL. Chẳng những chuyện trong nước, mà cả những chuyện mãi tận đâu đâu... HCQL được đề cập đến không những ở cấp độ linh mục, giáo dân, mà ở cả cấp độ linh mục với giám mục, giám mục với giáo hoàng và

Giáo hội địa phương với Giáo triều Rôma... HCQL với những chiếc mặt nạ khác nhau, với những hóa thân khác nhau, hiện diện khắp nơi. Nó gây cản trở, tạo tổn thương, gây hiểu lầm, làm trì trệ, gây chia rẽ, làm suy yếu và chất gánh nặng nề".

Cũng tác giả Linh mục Thiện Cẩm, trong một bài khác, viết trong tâm lớn hơn: "Chuyện bê bối của Ngân hàng Ambrôxiô ở Rôma mấy năm về trước, và những tiếng xì xầm bàn tán về một số vụ rửa tiền qua những cơ quan xã hội hay từ thiện, bên Mỹ cũng như ở những nước khác, kể cả Vatican, cho thấy con người ở đâu cũng chỉ là con người, cho dù có "chức thánh" đi nữa! Ngay tại thành phố (Hồ Chí Minh) này, tôi biết có một số người núp sau công tác từ thiện, bác ái, để ít ra thực hiện được "bác ái" đối với chính bản thân và gia đình, với lí do chính đáng là "làm thợ thì đáng được trả công". (x.Lc 10,7; Mt 10,10)

7. Hứa hẹn nhưng không thực hiện sửa đổi trong cơ cấu và trong nghi thức phụng vụ, nhất là trong việc chấn chỉnh lại tổ chức Giáo hội ở cơ sở là các xứ đạo, đó là việc thứ bảy đang đọng lại ở khắp các cấp của Giáo hội. Trong việc tôn trọng quyền lợi và tiếng nói của giáo dân trong sinh hoạt tôn giáo, tình trạng kéo dài, quay đi quay lại vẫn cứ trượt mãi trên cái dốc chỉ nói mà không làm, chỉ hứa lên, hẹn xuống, mà không bao giờ thi hành. Văn bản Vatican II quyết định lập các Hội đồng Mục vụ giáo xứ để giáo dân trực tiếp điều hành tiến bậc cùng sinh hoạt tôn giáo. Nhưng ông Hoàng Linh, Giáo xứ Hóc Môn, Giáo phận thành phố Hồ Chí Minh, cho biết: "Hiện nay, chắc không đếm đủ đầu ngón tay số giáo xứ giao việc

quản lý thu chi cho Hội đồng Mục vụ giáo xứ, hoặc cao lắm là giáo dân chỉ được biết đến việc thu chi ở những hạng mục xây dựng của giáo xứ (để kêu gọi sự giúp đỡ). Nếu tôi nhớ không lầm, theo giáo luật, Giáo hội coi việc thành lập Hội đồng Kinh tế như là một việc làm bắt buộc. Bởi vì kinh nghiệm trong hoạt động mục vụ và quản lý đã dạy cho Giáo hội nhìn thấy những cạm bẫy của tiền bạc, của cải. Giao việc quản lý thu chi (tiền thau, tiền khấn, tiền dâng cúng,..) cho giáo dân... tránh khỏi những xầm xì không nên có về người mục tử.". Bốn mươi năm rồi, chưa tìm thấy một xứ nào, linh mục nghiêm chỉnh giao việc quản lý tiền bạc cho giáo dân điều hành và kiểm tra một cách có hiệu quả. Việc hứa cho các xứ lập Hội đồng Kinh tế được Vatican II coi như bắt buộc để giáo dân nắm và kiểm soát việc tiền bạc tài sản của giáo xứ, đến nay cũng chẳng nơi nào thực hiện. Các cha xứ vẫn thoả sức nắm và sử dụng tiền bạc theo lợi ích và ý đồ cá nhân. Lại như việc mở các "công nghị giáo dân" để giáo dân có chỗ nói nguyện vọng và kiến nghị các việc cần làm trong đời sống tôn giáo của mỗi xứ, mỗi hạt, mỗi giáo phận, và chung cả Giáo hội, giáo dân trông chờ bốn mươi năm rồi, không biết còn đợi bao nhiêu "mười năm" nữa đây?

Không thiếu gì người đã thẳng thắn nói ra tâm tư bức xúc của mình khi thấy Giáo hội chỉ tung ra những từ ngữ mềm mại, nhưng bên trong chẳng có gì thay đổi. Linh mục Thiện Cẩm viết trên Nguyệt san Công giáo và Dân tộc số 106: "...mặc dù đã có những thay đổi khá lớn từ sau Công đồng Vatican II đến nay, nhưng hình như vẫn chỉ thay đổi được phần nào những cái bên ngoài, như bỏ đi mấy lần bài gô, không còn "làm phép"

trên mình thánh, máu thánh, v.v..., đặc biệt là được cử hành bằng tiếng bản xứ, nhưng chỉ dừng lại ở một bản dịch, đôi khi rất câu nệ vào chữ, mà hi sinh cái ý, cái nghĩa, như người Trung Hoa quan niệm rằng: "Ý ở ngoài trời". Ngoài những thay đổi đó, mọi sự vẫn giữ nguyên với một cơ cấu, hình thức diễn tiến, mà người ta cho là "truyền thống" nhưng thực ra đâu có phải là truyền thống từ thời các tông đồ mà chỉ là truyền thống Tây phương, đặc biệt là nghi thức Rôma... Người ta, nhất là giới trẻ, càng ngày càng cảm thấy xa lạ với những cử chỉ, ngôn ngữ, và ngay cả phẩm phục trong phụng vụ, vì không thích hợp với truyền thống văn hóa dân tộc và tâm lý người thời đại... Hầu hết những lời cầu nguyện trong thánh lễ hiện nay vẫn là những lời nguyện đã có từ lâu đời, vừa chung chung, vừa mang tính nhị nguyên, trọng hồn khinh xác, lại khô khan thiếu tính nhân bản, ít trực tiếp liên quan đến cuộc sống hiện tại và cụ thể, mà thường chỉ xin cho được ơn cứu độ, được hưởng phúc trường sinh, được nên thánh, v.v... đọc hoài thấy phát ngán!... Tôi không hiểu mỗi khi người lớn chúng ta, kể cả giám mục, linh mục, khi đọc những câu như: "Xin cho chúng con được hưởng ơn cứu độ muôn đời"... thì chúng ta có tâm tình như thế nào?... Có lần tôi hỏi một vị giám mục về chuyện ấy, ngài cười và nói thật với tôi rằng: "Nhiều khi mình đọc mà chẳng biết đọc cái gì!"... Giáo hội nên gột rửa những lớp sơn phấn, lột bỏ những sản phẩm lộng lẫy ra khỏi những đên đài, cung thánh nguy nga đồ sộ của mình, để tìm về thế giới đơn sơ tự nhiên...".

8. Việc tác nghề thứ tám là Vatican cứ tiếp tục bắt linh mục phải sống đời độc

thân, việc này đã và đang gây đổ vỡ to lớn cho uy tín và cơ cấu của Giáo hội cơ sở ở nhiều nước. Hội đồng Giám mục Mỹ thừa nhận vừa qua, trong 110.000 giáo sĩ Mỹ đã có 4.450 vị bị tố cáo lạm dụng tình dục trẻ em. Các vụ bê bối ấy làm cho Giáo hội Mỹ phải bồi thường tốn kém mất 573 triệu đôla. Các giáo phận phải bồi thường quá tốn kém, nhiều giáo phận Mỹ tìm cách lẩn trốn bằng mẹo tuyên bố phá sản, theo pháp luật Mỹ, giáo phận nào tuyên bố phá sản, được toà án liên bang xác nhận, thì được hoãn miễn trả tiền bồi thường, nhưng mọi nguồn tài chính sẽ bị giám sát và phải đình chỉ mọi việc mua bán nhà thờ cùng đất đai: Tháng 7, Tổng Giáo phận Portland ở Bang Oregon đã tuyên bố phá sản để trốn khoản bồi thường 140 triệu đôla, vừa rồi, lại thêm Giáo phận Essen ở Bang Arizona, cũng tuyên bố phá sản vì bị 22 đơn của 33 người kiện linh mục trong giáo phận đã lạm dụng tình dục với trẻ nhỏ. Mặc dầu tình cảnh bực võ lung tung như vậy, cho đến bây giờ, Giáo hội vẫn hoàn toàn bảo thủ trong các quan điểm cũ xưa, không cho linh mục lấy vợ. Linh mục Timothy Radcliffe, Bề trên Tổng quyền dòng tu Đa Minh toàn thế giới (hiện có 200.000 linh mục dòng) nói thẳng trên đài phát thanh BBC: *"Nếu Vatican cứ nhất quyết bịt tai không cứu xét cho linh mục lấy vợ, phong chức linh mục cho người đã có vợ con, thì một ngày nào đó, chúng ta sẽ phải chứng kiến hậu quả tiêu cực"*.

Trong khi đó, vô số giáo sĩ đã nói rõ độc thân là gây mất thăng bằng trong lẽ đời, là trái với tình yêu của Chúa đối với con cái Chúa, chính là nguồn gốc sâu xa của sự khao khát yêu đương và của lỗi phạm tất yếu trong trăm nghìn giáo sĩ và tu sĩ các thế hệ, thì các văn kiện của

Vatican II giữ nguyên các lời lẽ to tát về độc thân là "sự chế dục vì nước Trời", là "dấu chỉ đức ái", là "nguồn mạch sự phong phú thiêng liêng",... Theo Chủ tịch Hội đồng Giám mục Mỹ Wilton D. Gregory, tính đến đầu năm 2004, nước Mỹ không còn đủ linh mục trông coi giáo xứ nên đã chọn cử thêm 14.000 phó tế vĩnh viễn, trong đó có 97% là người đã lập gia đình và hằng năm số có vợ con còn tăng thêm nữa⁽³⁾. Bộ Giáo sĩ của giáo triều Vatican thừa nhận, Châu Âu vốn có 250.859 linh mục Công giáo, trong bốn mươi năm qua đã giảm 44.094 nay chỉ còn 206.765; Bắc Mỹ trước có 71.725 linh mục, nay giảm mất 13.737, chỉ còn 57.988 linh mục; Bộ Giáo sĩ giải thích tình cảnh trên là "tại nền văn hoá Âu Mỹ ngày càng trở nên tục hóa".

Tình trạng "bất chấp" lệ luật cứng nhắc của Giáo hội cũng đã xảy ra ở Hà Lan, các linh mục và giám mục cứ công nhận có gia đình, rồi đi xưng tội thế là đã nhiều năm nay, nghiêm nhiên được hưởng chế độ *"phạt... tinh thần, rồi tồn tại có vợ con"*. Không nhìn thẳng vào sự thật, Toà Thánh khăng khăng nói rằng tình trạng ngày càng ít người đi làm linh mục, không phải vì Giáo hội bắt họ không được lấy vợ, mà chỉ tại giá trị đạo đức và kỉ luật đang sa sút trong xã hội. Ngược lại, dư luận nhà tu lại cho rằng, nếu Giáo hội lại cứ cố hủ không cho linh mục lấy vợ, với cái lí do đạo đức giả là *"sống độc thân thì mới thiêng liêng"*, thì Giáo hội phải chứng kiến hình ảnh hàng nghìn linh

3. Mỹ hiện có 63,4 triệu người Kitô giáo (lưu ý rằng đa số Công giáo Mỹ là gốc Châu Mỹ Latinh, gọi là dân Amer Hispana, Việt kiều bên ấy gọi là dân Mỹ Xi, còn dân Mỹ trắng tuyệt đại bộ phận theo các giáo phái Tin Lành, gọi chung là Tân giáo), tức 2/3 dân số; có 195 giáo phận với 19.081 giáo xứ, 43.634 linh mục (tuổi bình quân 61), trong đó có 14.772 linh mục dòng; có 5.499 nam tu sĩ, 73.321 nữ tu sĩ.

mục công nhiên hủ hóa, công nhiên sống với phụ nữ, và hàng nghìn linh mục khác sẽ công khai trở về với đời thường để lập gia đình, và tệ hại hơn nữa, nhất định Giáo hội phải đau đớn mà chấp nhận rằng linh mục, giám mục sẽ là nghề nghiệp của những người đồng tính.

9. Việc tổn động thứ chín là làm sao thoát khỏi những nợ nần ám ảnh từ những sai lầm to lớn trong quá khứ. Những năm cuối cùng của thế kỉ XX, Giáo hoàng Gioan Phaolô II dành thì giờ liên tiếp gần một trăm lần xin lỗi vì Giáo hội đã mắc tội gây đau khổ cho người khác. Đó là những sai lầm phi báng và miệt thị các tôn giáo khác, sai lầm đã núp cờ đức tin, lập các đạo binh Thánh giá (Croisades) trong 200 năm bảy lần gây chiến đánh Thổ Nhĩ Kỳ để "giành lại đất thánh" và hàng trăm cuộc cấm vũ khí đi "mở rộng nước Chúa" ở Châu Á, Châu Phi và Châu Mỹ, sai lầm đã mở các Tòa án Truy tà (Inquisition) xử chết hàng trăm nghìn người chỉ vì họ không tuân phục đầy đủ các giáo luật cứng nhắc về đức tin (chỉ riêng ở Tây Ban Nha, trong 350 năm hoạt động của Tòa án ấy, 15.000 người bị thiêu chết, 900.000 người bị khổ sai chung thân, 200.000 người bị tra tấn đến tàn phế và 5.000.000 người khác bị lưu đày xa xứ), sai lầm kết án các nhà khoa học đã dám nói trái những tín giáo lí cổ hủ, sai trái của Giáo hội đã định kiến và hàm hồ kết án người Do Thái... Cao điểm của một loạt hành động xin lỗi của Giáo hội Công giáo là lời tuyên xưng trong lễ chủ nhật Mùa Chay năm 2000: "Giáo hội tuyên nhận và lấy làm đau buồn về những việc làm của mình. Giáo hội xin được tha thứ những lỗi lầm ấy". Và nhân dịp Năm Thánh 2000, Hội đồng Giám

mục Việt Nam cũng thông qua một Thư chung kêu gọi: "*Việc đầu tiên phải làm là sám hối. Vì trong quá khứ ta đã sai phạm nhiều. Có những lầm lỗi của cá nhân... Có những lầm lỗi tập thể của cả Giáo hội, của từng giáo phận, của mỗi giáo xứ. Có những lầm lỗi chống lại ơn Chúa, cản trở chương trình của Chúa. Có những lầm lỗi vô tình khiến ta trở thành vật cản ơn Thánh, để lỡ cơ hội đón nhận ơn Chúa cho bản thân ta và cho mọi người. Sám hối là trở về với Chúa nhưng cũng là trở về với anh em. Phải hòa giải với anh em vì chính ta đã góp phần gây ra bất công, chia rẽ, bất hoà khiến anh em lìa xa Chúa và Giáo hội... Sám hối càng sâu xa, đổi mới càng mãnh liệt...*"⁽⁴⁾.

Tuy nhiên, nhà thần học Sri Lanca Tissa Balasuruiya cho rằng: "... việc xin lỗi phải thành sự sám hối để bắt tay vào sửa chữa những sai lầm cũ, phải trở thành những nỗ lực chung của toàn Giáo hội Công giáo, các Giáo hội địa phương cũng cần soát xét những sai lầm cụ thể của nước mình, từ đó mà có những giải pháp cụ thể sửa chữa sai phạm". Nhà báo Italia Luigi Accatoli, trong cuốn "*Khi Giáo hoàng xin lỗi*" (Quand le pape demande pardon)⁽⁵⁾ đã trích dẫn 94 văn bản của Giáo hoàng vạch ra các sai lầm của Giáo hội, như: "*Hôm nay, tôi là Giáo hoàng của Giáo hội Rôma, nhân danh tất cả những người Công giáo, tôi xin lỗi vì những thiệt hại đã gây nên cho những người không Công giáo, trong tiến trình lịch sử đầy sóng gió của các dân tộc họ*" (Tuyên bố tại Olomouc - Cộng hoà Séc, tháng 5.1995, về các cuộc chiến tranh tôn

4. Báo Công giáo và Dân tộc, Số 1230, tr. 15.

5. Luigi Accatoli. *Quand le Pape demande pardon*. Albin Michel, Paris, trang 16.

giáo). Quả thật, việc "xin lỗi" mấy năm vừa qua chẳng có tác động gì đáng kể, bởi vì thế giới này đều biết từ mấy trăm năm nay, người theo đạo trước hết là các bậc giáo sĩ vẫn đều đều làm đúng giáo luật bắt buộc phải đấm liên tiếp vào ngực mình mà đọc lên Kinh Cáo Minh: "Tôi thú nhận cùng Thiên Chúa toàn năng và cùng anh chị em: Tôi đã phạm tội nhiều trong tư tưởng, lời nói, việc làm và những điều thiếu sót. Lỗi tại tôi, lỗi tại tôi, lỗi tại tôi mọi đàng".

Người ta mong chờ những lời "cáo mình" và xin lỗi như trên tạo được những thay đổi nhận thức căn bản về tính chất nghiêm trọng những lỗi lầm của Giáo hội Công giáo trong lịch sử để có thể đạt tới sự thông cảm, hiểu biết lẫn nhau trong mỗi Giáo hội, giữa các tôn giáo, và nhất là với người ngoài tôn giáo nhưng cùng trong dòng máu đồng bào.

Một linh mục Việt Nam, viết bài "Tự kiểm và sám hối của Giáo hội Công giáo thế giới và của Giáo hội Công giáo Việt Nam"⁽⁶⁾ đã gợi ý đến một quan niệm truyền giáo không đúng đắn, một cung cách truyền giáo không phù hợp, một số người theo đạo không biết phân biệt phải trái, và đặc biệt những ấn tượng do lịch sử Công giáo để lại, trong đó một số sự kiện cụ thể như: "Ngày 9.11.1951, các Đức Giám mục Đông Dương đã ra Thư chung cấm người Công giáo không được tham gia kháng chiến chống Pháp, bởi vì tham gia kháng chiến chống Pháp là cộng tác với Việt Minh - Cộng sản. Sự thực là trong 14 vị giám mục và giám quản kí dưới Thư chung năm 1951, chỉ có 4 giám mục là người Việt Nam (các đức cha Ngô Đình Thục, Lê Hữu Từ, Trịnh Như Khuê và Phạm Ngọc Chi), kí tên dưới hai Thư

chung chống Cộng sản của các Đức Giám mục miền Nam ngày 2.3.1960 và tháng 6.1964, tất cả đều là người Việt Nam, ngoại trừ Đức cha Seitz (Kon Tum) và Đức cha Picquet (Nha Trang) là người Pháp. Lập trường chống Cộng trên đây của Giáo hội Công giáo Việt Nam không phải đã thuộc về quá khứ: Ngày trước, người ta không muốn cho người Công giáo chống Pháp và chống Mỹ, vì như thế là cộng tác với Cộng sản để giúp họ lên nắm chính quyền. Ngày nay, người ta cũng không muốn cho người Công giáo tham gia bởi vì tham gia là củng cố chế độ, một chế độ mà người ta nghĩ là không thuận lợi cho đạo Chúa, không thuận lợi cho Giáo hội của Đức Kitô".

Chỉ mới là gợi ý nắc nỏm của một linh mục như trên mà lập tức, có ngay lời đối đáp: "Giáo hội Việt Nam không hề bắt ai phải xin lỗi mình, thì không có cơ gì phải cúi mình xin lỗi người khác về những lỗi phạm của Giáo hội. Và ví như trong lịch sử có những người con Giáo hội Việt Nam đã lỗi phạm đối với dân tộc này (ví dụ như dưới chế độ Ngô Đình Diệm), thì cũng không phải là Giáo hội đã lỗi phạm... Vậy thì có gì phải xin lỗi?"⁽⁷⁾

Tháng 5 năm 1999, Bản tin Số 5 phát hành từ 72/12 Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh của Văn phòng Thư kí Hội đồng Giám mục Việt Nam (thực ra đây là một chuyên san xuất bản không có giấy phép, mỗi kì dày trên dưới 300 trang của Giáo tỉnh thành phố Hồ Chí Minh, do Linh mục Antôn Nguyễn Ngọc Sơn chủ biên), đã công nhiên đăng

6. Nguyệt san Công giáo và Dân tộc, số 59, ra tháng 11/1999, tr. 16-29.

7. Nguyệt san Công giáo và Dân tộc, số 60, 1999, tr. 51-57.

bài báo (từ trang 252 đến trang 262) của Tổng Giám mục Phạm Minh Mẫn với lời lẽ nặng nề như sau: "*Lịch sử Việt Nam trong hậu bán thế kỷ XX chịu tác động bởi hai luồng tư tưởng lớn có ảnh hưởng rất mạnh mẽ: Chủ nghĩa Cộng sản: tại miền Bắc từ năm 1954, tại miền Nam từ năm 1975. Chủ nghĩa này không đơn thuần là chủ nghĩa kinh tế nhưng còn là một hệ tư tưởng muốn chi phối và định hình lại toàn bộ văn hóa Việt Nam. Nền kinh tế thị trường (từ năm 1990)... tác động rất mạnh trên lối sống của cả nước... và như thế cũng là một thứ chủ nghĩa chủng tộc*". "Bản tin" này không bị "phạt rỗi cho tồn tại" như mấy căn nhà xây đất trái phép và không phép, cho nên vẫn tiếp tục ra nhiều tháng tiếp theo, càng ngày càng dày dặn, dày dặn hơn, như số 7/2000 dày 340 trang, số 8/2000 dày 364 trang).

10. Việc thứ mười đang đọng lại là những tìm tòi để đưa sinh hoạt Giáo hội du nhập truyền hóa vào nếp sống lâu đời của các dân tộc. Việc này được văn kiện Vatican II gọi là "*truyền bá Phúc Âm hội nhập văn hóa bản địa*" là "*đem Tin Mừng cứu độ của Thiên Chúa đến với mọi người đang sống trong lòng các nền văn hoá ... với mục đích là thiết lập một Giáo hội thực sự bản địa*". Ở nước ta, mọi người được chứng kiến nhiều sáng kiến táo bạo để tìm con đường "*hội nhập văn hoá bản địa*". Trên Nguyệt san "*Công giáo và Dân tộc*" (số 46) tường trình một trong các sáng kiến này như sau: "*Chẳng hạn, pho tượng Đức Mẹ La Vang cũ làm theo mẫu Đức Bà Chiến Thắng ở Paris (Pháp), đã được thay thế bằng pho tượng làm theo cung cách văn hóa Việt Nam: Đức Mẹ mặc áo dài Việt Nam mẫu thiên thanh, đầu đội mào vàng⁸⁾, trông sang trọng như một bà hoàng hậu, một cô dâu mới người*

Việt Nam, nhưng trên tay bế Chúa Giêsu Hải Đông mặc áo thụng, màu hồng, đầu cũng đội mào vàng. Lễ đài được che bằng chín cái lọng lớn, xanh vàng, biểu tượng cho máu trời, đất và cho sự trang trọng của người Việt xưa. Đầu thánh lễ, có đoàn giả làm các quan và lính ngự lâm quân thời xưa với những tàn lọng uy nghiêm đón rước đoàn đồng tế lên lễ đài, và giữa lễ lại xuất hiện (quan và lính ngự lâm quân) để dâng của lễ một cách hết sức trang trọng...".

Việc để Đức Mẹ La Vang và Chúa Giêsu Hải Đông đội "mào vàng" đúng kiểu Nam Phương Hoàng hậu, được chính tác giả bài báo trên bình luận như sau: "*Trong hoàn cảnh Giáo hội Việt Nam hiện nay, vấn đề hội nhập văn hóa có vẻ vẫn còn là một vấn đề mới mẻ, đôi khi còn xa lạ với nhiều người, thậm chí với một số linh mục tu sĩ... Việc hội nhập văn hoá còn phải được thực hiện thế nào cho đúng, cho hợp lí, phải đạo, để tạo được ích lợi tối đa cho việc mục vụ và truyền giáo... Bây giờ tại Việt Nam, vấn đề này mới được ý thức và đặt nặng thì có thể đã khá muộn màng... từ tượng Đức Mẹ mặc y phục Việt Nam đến cách bài trí với những lọng che, cờ quạt, cách ăn mặc truyền thống Việt Nam với áo thụng xanh, khăn gô, lính ngự lâm quân... Phải nói rằng... hiện nay, khi mà người Việt đã cắt tóc*

8. Tức là kiểu khăn nhiều vòng quấn ba vòng trên đầu. Người đầu tiên đội khăn kiểu này là cô Nguyễn Hữu Thị Lan, được giới thiệu làm quen với vua Bảo Đại. Sau này, các nhà tạo mốt thời trang đã quấn thêm chín vòng nữa cho khăn "mào" được đón cao hơn cả mũi lưỡi trai các sĩ quan cao cấp nước ngoài. Thời Trần Lệ Xuân làm mưa làm gió ở Sài Gòn, người ta cũng cho hai chị em Trưng Trắc, Trưng Nhị (trong các đoàn rước ngang qua phố phường) đội khăn "mào" vàng với những vòng quấn dày cộm, hết như khăn "mào" của Đức Bà và Chúa Giêsu Hải Đông ở nhà thờ La Vang ngày nay.

ngắn, mặc áo sơ mi hay veston với quần tây, miệng nói tiếng Anh và hút thuốc ba số 555, thì những hình thức lễ nghi hay những cách ăn mặc ấy đối với họ đã trở thành cổ xưa mà họ chỉ có thể thấy được trong những màn trình diễn cải lương. Chúng đã trở nên xa lạ và ngộ nghĩnh đối với người thời đại..."⁽⁹⁾.

Chẳng phải chỉ từ khi đội mũ vàng kiêu Nam Phương Hoàng hậu lên đầu tượng Đức Bà và Chúa Hải Đông, mà câu chuyện bàn bạc, tranh cãi đã xảy ra từ lâu lắm giữa những người Công giáo: "Đâu phải hội nhập văn hoá bản địa nghĩa là hàng trăm nhà thờ đã lấy chuông các đình chùa về (gọi là chuông Nam) treo lên gác chuông để gọi giáo dân đi lễ? hay là việc xoá bỏ lệnh của các linh mục da trắng cấm giáo dân ta thờ cúng tổ tiên, cấm ngồi ăn cỗ "bụt ma" với "dân ngoại đạo", v.v...? Nếu tưởng lầm là cứ dựng dậy tất cả cái gì đã trôi dạt từ trăm năm nay, thì không khéo người ta có thể trở thành nệ cổ, hoài cổ, tệ hơn nữa trở thành lạc hậu cổ hủ thụt lùi, xa rời thực tế văn hoá ngày nay của dân tộc".

Để có thêm một cái nhìn tổng quát, có lẽ sẽ có ích cùng nhau điểm lại mấy ý kiến sắc sảo của nhà báo Italia Giancarlo Zizola, một người chuyên viết về các vấn đề của Vatican sau khi điểm lại kỹ tất cả những bước đi nhọc nhằn trong 40 năm qua của Vatican. Zizola viết: "Với dòng thời gian, khuôn mặt của Giáo hoàng cũng dần thoát ra khỏi khói mù của hương nến và bột thần thoại hoá... Quan trọng hơn nữa là những cử chỉ của Đức Gioan Phaolô II nhằm giải thoát cho Giáo hội khỏi những tàn tích của chủ nghĩa trần thế (temporalisme)... Tuy thế,

Đức Gioan Phaolô II, dẫu không nói ra một cách rõ ràng, cũng đã thấy sự thất bại của chính mình, cũng như của Giáo hội Công giáo vào cuối thiên niên thứ hai... Ngài đã yêu cầu Giáo hội của mình tự phủ tro lên đầu⁽¹⁰⁾ và đi lùi lại để phục vụ tốt hơn các phong trào mà thánh linh đã làm khơi dậy bên kia tháp đền thờ Thánh Phêrô và làm cho có, công bình trên thế giới. Nhìn tổng quát, người ta thấy các đề tài lớn của năm 1000 đang được lặp lại nguyên xi: đó là chuyện thánh tây Kitô giáo, Giáo hội Công giáo và xã hội; quy chiếu vào cánh chung của Nước Trời; nhu cầu cấp bách cải tạo xã hội dân sự, và nhất là ý tưởng về việc phải bớt quyền lực của tôn giáo để cho các ân đặc sủng (charismes) được tự do phát triển theo sự thôi thúc của Thần khí "muốn thối ở đâu thì thối"⁽¹¹⁾.

Còn báo *Le Figaro littéraire* xuất bản ở Pháp, sau khi điểm một loạt sách báo Công giáo và Tin Lành giáo, đã kết luận rằng: "Dư luận chung nhất trí thấy rõ quả là đang có một sự khủng hoảng trầm trọng của Công giáo và Tin Lành giáo, không chỉ ở Châu Âu mà còn đang lan rộng ở khắp thế giới; tuy nhiên, người ta còn một tia hi vọng ở chỗ đổi mới thực sự những cơ chế tổ chức có thể giúp Giáo hội hoà nhập được vào xã hội khoa học kỹ thuật tiên tiến hiện nay... Việc này có lẽ phải chờ đến khi nào có được một Công đồng Vatican III mới may ra mang lại một mùa xuân mới cho Giáo hội".

9. Nguyệt san Công giáo và Dân tộc, Số 46.

10. Dấu hiệu tỏ ra hối hận về sai lầm của mình.

11. Giancarlo Zizola. *Le Successeur*. Desclée de Brouwer. Paris 1995.

ngắn, mặc áo sơ mi hay veston với quần tây, miệng nói tiếng Anh và hút thuốc ba số 555, thì những hình thức lễ nghi hay những cách ăn mặc ấy đối với họ đã trở thành cổ xưa mà họ chỉ có thể thấy được trong những màn trình diễn cải lương. Chúng đã trở nên xa lạ và ngộ nghĩnh đối với người thời đại..."⁽⁹⁾.

Chẳng phải chỉ từ khi đội mào vàng kiểu Nam Phương Hoàng hậu lên đầu tượng Đức Bà và Chúa Hải Đông, mà câu chuyện bàn bạc, tranh cãi đã xảy ra từ lâu lắm giữa những người Công giáo: "Đâu phải hội nhập văn hoá bản địa nghĩa là hàng trăm nhà thờ đã lấy chuông các đình chùa về (gọi là chuông Nam) treo lên gác chuông để gọi giáo dân đi lễ? hay là việc xoá bỏ lệnh của các linh mục da trắng cấm giáo dân ta thờ cúng tổ tiên, cấm ngồi ăn cỗ "bụt ma" với "dân ngoại đạo", v.v...? Nếu tưởng lầm là cứ dựng dậy tất cả cái gì đã trôi dạt từ trăm năm nay, thì không khéo người ta có thể trở thành nệ cổ, hoài cổ, tệ hơn nữa trở thành lạc hậu cổ hủ thụt lùi, xa rời thực tế văn hoá ngày nay của dân tộc".

Để có thêm một cái nhìn tổng quát, có lẽ sẽ có ích cùng nhau điểm lại mấy ý kiến sắc sảo của nhà báo Italia Giancarlo Zizola, một người chuyên viết về các vấn đề của Vatican sau khi điểm lại kỹ tất cả những bước đi nhọc nhằn trong 40 năm qua của Vatican. Zizola viết: "Với dòng thời gian, khuôn mặt của Giáo hoàng cũng dần thoát ra khỏi khói mù của hương nến và bất thần thoại hoá... Quan trọng hơn nữa là những cử chỉ của Đức Gioan Phaolô II nhằm giải thoát cho Giáo hội khỏi những tàn tích của chủ nghĩa trần thế (temporalisme)... Tuy thế,

Đức Gioan Phaolô II, dẫu không nói ra một cách rõ ràng, cũng đã thấy sự thất bại của chính mình, cũng như của Giáo hội Công giáo vào cuối thiên niên thứ hai... Ngài đã yêu cầu Giáo hội của mình tự phủ tro lên đầu⁽¹⁰⁾ và đi lùi lại để phục vụ tốt hơn các phong trào mà thánh linh đã làm khơi dậy bên kia tháp đền thờ Thánh Phêrô và làm cho có, công bình trên thế giới. Nhìn tổng quát, người ta thấy các đề tài lớn của năm 1000 đang được lặp lại nguyên xi: đó là chuyện thánh tầy Kitô giáo, Giáo hội Công giáo và xã hội; quy chiếu vào cánh chung của Nước Trời; nhu cầu cấp bách cải tạo xã hội dân sự, và nhất là ý tưởng về việc phải bớt quyền lực của tôn giáo để cho các ân đặc sủng (charismes) được tự do phát triển theo sự thôi thúc của Thần khí "muốn thôi ở đâu thì thôi"⁽¹¹⁾.

Còn báo *Le Figaro littéraire* xuất bản ở Pháp, sau khi điểm một loạt sách báo Công giáo và Tin Lành giáo, đã kết luận rằng: "Dư luận chung nhất trí thấy rõ quả là đang có một sự khủng hoảng trầm trọng của Công giáo và Tin Lành giáo, không chỉ ở Châu Âu mà còn đang lan rộng ở khắp thế giới; tuy nhiên, người ta còn một tia hi vọng ở chỗ đổi mới thực sự những cơ chế tổ chức có thể giúp Giáo hội hoà nhập được vào xã hội khoa học kỹ thuật tiên tiến hiện nay... Việc này có lẽ phải chờ đến khi nào có được một Công đồng Vatican III mới may ra mang lại một mùa xuân mới cho Giáo hội". /

9. Nguyệt san Công giáo và Dân tộc. Số 46.

10. Dấu hiệu tỏ ra hối hận về sai lầm của mình.

11. Giancarlo Zizola. *Le Successeur. Desclée de Brouwer*. Paris 1995.